

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:**

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

### **Phương pháp đánh giá đạt/không đạt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá   |  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>  |  |                                 |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ. | - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật tại Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT (kèm tài liệu chứng minh);<br>- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (hãng sản xuất) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT đối với tất cả các hàng hóa. | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không đáp ứng yêu cầu  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>2. Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa</b>  |  |                                 |
| Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa  | - Có cam kết hàng hóa mới 100% được sản xuất từ năm 2024 tới nay.<br>- Có cam kết giá gói thầu đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bàn giao cho đơn vị cho đơn vị sử dụng.<br>- Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu tại mục 1.3 chương V – Yêu cầu về kỹ thuật.           | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không đáp ứng yêu cầu  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>                      |  |                                 |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa    | - Có trình bày các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.<br>- Có cam kết có biện pháp bảo đảm an toàn khi lắp đặt, vận hành thử đối với thiết bị sử dụng điện và bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, đầy đủ khi cung cấp, lắp đặt hàng hóa.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đáp ứng yêu cầu  | <b>Không đạt</b> |
| <b>4. Tiến độ thực hiện gói thầu</b>  |  |                  |
| Bảng tiến độ thực hiện gói thầu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Bảng tiến độ chi tiết thực hiện gói thầu $\leq 30$ ngày  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đáp ứng yêu cầu  | <b>Không đạt</b> |
| <b>5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý và tác động đối với môi trường</b>                                   |  |                  |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý và tác động môi trường   | Cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý và tác động môi trường  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đáp ứng yêu cầu  | <b>Không đạt</b> |
| <b>6. Bảo hành và cam kết</b>   |  |                  |
| Thời gian bảo hành, bảo trì.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian bảo hành <math>\geq 12</math> tháng kể từ ngày bàn giao cho Chủ đầu tư.</li> <li>- Có cam kết trong thời gian bảo hành nếu các hàng hóa bị lỗi không khắc phục được phải đổi hàng hóa mới.</li> <li>- Có quy trình bảo hành và khắc phục sự cố hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu.</li> <li>- Cam kết thời gian bảo trì tối thiểu 12 tháng.</li> <li>- Liệt kê rõ ràng, chi tiết các dạng hư hỏng sẽ được bảo hành, các dạng hư hỏng không được bảo hành.</li> <li>- Phương thức liên hệ nhà thầu khi hàng hóa gặp hư hỏng (bằng văn bản, email, điện thoại...).</li> <li>- Nhà thầu cam kết Trong thời hạn bảo hành, sau thời gian không quá 24 giờ kể từ khi đại diện Chủ đầu tư liên hệ với đại diện bên nhà thầu để sửa chữa mà nhà thầu không có người đến kiểm tra và sửa chữa thì nhà thầu phải chịu mọi khoản chi phí mà bên Chủ đầu</li> </ul> | <b>Đạt</b>       |

|  |   |                       |
|--|---|-----------------------|
|  | <p>tư đã thanh toán cho đơn vị sửa chữa khác.</p> <p>- Nhà thầu có cam kết: Phát hành bảo lãnh bảo hành với giá trị 5% giá trị hợp đồng kể từ khi hai bên nghiệm thu hoàn thành đến khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>  |                       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu   | <b>Không đạt</b>      |
| <b>7. Các yếu tố về thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ</b>   |   |                       |
| Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất và tiến độ thực hiện gói thầu | Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, kế hoạch đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất và tiến độ thực hiện gói thầu.   | <b>Đạt</b>            |
|  | Không đáp ứng yêu cầu   | <b>Không đạt</b>      |
| <b>8. Uy tín của nhà thầu</b>  |   |                       |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự   | <p>- Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do bị chấm dứt hợp đồng hoặc vi phạm hợp đồng do lỗi của nhà thầu;</p> <p>- Không có hợp đồng nào vi phạm về chất lượng của hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng và chất lượng của hàng hóa trong quá trình sử dụng trên thực tế so với quy định trong hợp đồng;</p> | <b>Đạt</b>            |
|  | Không đáp ứng yêu cầu   | <b>Không đạt</b>      |
| <b>Kết luận</b>  |   | <b>Đạt/ Không đạt</b> |

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất*

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;